**TÍNH NHÂN ĐẠO VÀ TIẾN BỘ CỦA BỘ LUẬT HỒNG ĐỨC ( TIẾP)**

**Nguyễn Thị Kim Tiến**

Những quy định nhân đạo đối với người gặp khó khăn đặc biệt Đối với những người gặp hoàn cảnh khó khăn, không có ai để nương tựa thì quan chức địa phương phải có trách nhiệm giúp đỡ họ, điều 294 quy định: “Ở những phường hẻm hay trong kinh thành hoặc ở hương thôn, xã có người bệnh tật không ai nuôi nấng, nằm ở dọc đường sá, cầu, điếm, chùa, quán thì cho phép quan bản phường xã đó dựng lều cho họ ở, chăm sóc che chở, cấp cơm cháo, thuốc men cứu sống họ, không được bỏ mặc họ rên rỉ, khốn khổ. Không may kẻ ấy chết thì trình quan trên, liệu bề chôn cất, không được để hài cốt phơi bày ra đó. Nếu trái lệnh này thì quan phường xã bị biếm hay bị bãi chức...”.  Một số đối tượng cũng cần được giúp đỡ khác là “những người góa vợ, góa chồng cô độc và người tàn phế nặng, nghèo khổ không người thân nương tựa, không khả năng tự kiếm sống thì quan sở tại phải nuôi dưỡng họ, nếu bỏ rơi họ thì bị đánh 50 roi biếm một tư. Nếu họ được cấp cơm áo mà thuộc lại ăn bớt thì xử theo luật người giữ kho ăn trộm của công”.

Những quy định nhân đạo, tiến bộ đối với phụ nữ và trẻ em Đối với phụ nữ, quyền lợi của đối tượng này được đề cập chủ yếu trong hai chương “Hộ hôn” và “Điền sản” với những quy định thể hiện sự coi trọng cá nhân và vai trò của người phụ nữ cũng như bảo vệ quyền lợi của họ trong việc hương hỏa, tế lễ, thừa kế và sở hữu tài sản. Người vợ, theo phong tục và quy định phải lệ thuộc vào chồng nhưng trong bộ luật Hồng Đức địa vị của người vợ có những độc lập nhất định như họ có quyền có tài sản riêng, có quyền xin ly hôn trong một số trường hợp, ví dụ tại điều 308 quy định: “Chồng xa cách vợ không lui tới suốt 5 tháng thì vợ được phép trình quan sở tại, quan xã làm chứng thì chồng đó mất vợ. Nếu đã có con thì gia hạn 1 năm. Những người công sai đi xa không áp dụng luật này. Nếu đã thôi vợ mà cản trở người khác cưới vợ cũ thì xử biếm”. Trong trường hợp cưỡng ép phụ nữ kết hôn cũng bị tội, điều 320 quy định như sau: “Mãn tang chồng nhưng người vợ thủ tiết, nếu ngoài ông bà, cha mẹ, kẻ nào khác gả ép người phụ nữ đó thì bị biếm ba tư và buộc phải ly dị. Trả người đàn bà về chồng cũ…” hoặc “những nhà quyền thế mà ức hiếp để cưới con gái lương dân thì xử phạt, biếm hay đồ” (điều 338).  Khi xảy ra tình trạng ly hôn, luật xác định tài sản của vợ chồng được hình thành từ 3 nguồn: Tài sản của chồng thừa kế từ gia đình nhà chồng; tài sản của người vợ thừa kế từ gia đình nhà vợ và tài sản do hai vợ chồng tạo dựng trong quá trình hôn nhân (tài sản chung). Khi gia đình tồn tại, tất cả tài sản được coi là của chung; khi ly hôn, tài sản của ai, người đó được nhận riêng và chia đôi tài sản chung của hai người. Bộ luật Hồng Đức xử rất nặng đối với những trường hợp xâm phạm thân thể, tiết hạnh của người phụ  nữ, kẻ nào “hiếp dâm thì xử lưu hay chết. Phải nộp tiền tạ tội hơn một bậc đối với tiền tạ tội gian dâm thường. Nếu gây thương tích cho người đàn bà thì xử nặng hơn một bậc đánh người bị thương.  Nếu làm chết người đàn bà thì điền sản kẻ phạm tội phải giao cho nhà người bị chết” (điều 403); “gian dâm với con gái nhỏ 12 tuổi trở xuống, dù nó thuận tình thì vẫn xử như tội hiếp dâm” (điều 404).  Nếu “chồng đánh vợ bị thương thì xử như tội đánh người bị thương nhưng nhẹ hơn 3 bậc. Nếu đánh chết thì xử như tội đánh chết người nhưng nhẹ hơn 3 bậc, tiền đền mạng bớt 3 phần. Cố ý giết vợ thì giảm một bậc tội; nếu có tội bị chồng đánh, không may chết thì xử riêng. Đánh vợ bé bị thương, sứt gãy trở lên thì nhẹ tội hơn đánh vợ 2 bậc…” (điều 482). Trong trường hợp người phụ nữ có việc liên quan đến kiện tụng hoặc bị tội thì họ vẫn được bảo vệ ở mức độ nhất  định, nếu “quan coi ngục, lại ngục, ngục tốt gian dâm với đàn bà, con gái có chuyện thưa kiện thì tội nặng hơn một bậc so với tội gian dâm thông thường. Nếu có thuận tình thì giảm 3 bậc tội cho các gian phụ ấy.  Nếu họ bị hiếp thì không xử tội họ” (điều 409). Đặc biệt tại điều 680 quy định: “Đàn bà phạm tội tử hình trở xuống, nếu đang mang thai thì phải đợi sau khi sinh đẻ 100 ngày mới đem hành hình. Nếu chưa sinh mà đem hành hình thì ngục quan bị biếm hai tư, ngục lại bị tội đồ làm bản cục đinh.

Dù đã sinh nhưng chưa hết hạn 100 ngày mà hành hình thì ngục quan và ngục lại bị xử biếm hay bị phạt. Nếu khi chưa sinh mà thi hành tội đánh roi thì ngục quan bị phạt 20 quan tiền, ngục lại bị đánh 80 trượng. Nếu do đánh roi đưa đến trọng thương hay chết thì xử vào tội “quá tất sát thương” (lỡ tay giết người, làm bị thương người)…”. Một số tội, nếu người phạm tội là phụ nữ thì được giảm nhẹ, như việc xử lý tội ăn trộm, ăn cướp: “Ăn trộm có cầm khí giới thì xử tội ăn cướp và có giết người thì xử tội giết người. Đàn bà được giảm tội” (điều 429), hoặc trường hợp đầy tớ ăn trộm đồ của chủ, nếu là “tớ gái thì được giảm tội” (điều 441). Luật cũng quy định một số vấn đề khác liên quan đến phụ nữ, như cấm “lấy thuốc sảy thai làm người sảy thai, hay là người xin thuốc sảy thai cũng đều xử đồ. Vì sảy thai mà chết thì người cho thuốc bị xử theo tội giết người” (điều 424). Với một số tội, mức xử phạt đối với phụ nữ còn nhẹ hơn đàn ông, ví dụ điều 450 quy định: “…Kẻ lạ vào vườn người ta thì xử biếm, đàn bà được giảm một bậc”. Bên cạnh bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ, bộ luật Hồng Đức còn chú ý đến đối tượng trẻ em, tại điều 313 có quy định: “Trẻ nhỏ mồ côi và phụ nữ tự bán mình không người bảo lãnh thì kẻ mua và kẻ viết văn khế, kẻ làm chứng đều bị xử roi, trượng theo luật (nữ bị đánh 50 roi, nam bị đánh 80 trượng) đòi lại tiền trả cho kẻ mua, hủy bỏ văn khế. Kẻ cô độc, khốn cùng từ 15 tuổi trở lên tự nguyện bán mình thì cho phép”. Nếu ai “bắt được trẻ con đi lạc thì phải báo quan làm bằng chứng thật, có ai đến nhận thì  được lấy tiền nuôi dưỡng (mỗi tháng 5 tiền), trái luật không cho người ta nhận con thì xử tội nhẹ hơn tội quyến rũ một bậc” (điều 604). Trường hợp kẻ nào “làm chuyện ngược ngạo (lượm trẻ lạc về, không nuôi còn hành hạ) để đến nỗi con người ta chết thì đánh 80 trượng, đền 5 quan tiền nhân mạng cho cha mẹ đứa trẻ chết” (điều 605).

Những quy định nhân đạo đối với một số đối tượng khác

Những đối tượng này gồm có người thiểu số, nô  tỳ, người làm thuê, ở đợ, người mất khả  năng nhận thức…, như tại điều 435 quy định hình thức xử lý với hành vi “trấn lột quần  áo, đồ đạc của trẻ em, của kẻ khùng điên, của người say rượu thì bị xử tội đồ và phải đền gấp đôi”. Theo điều 363 “mua nô tỳ mà không đem văn tự  trình quan xét hỏi mà lại tự ý xâm chữ vào mặt nô tỳ thì phạt 10 quan tiền”, trường hợp “xâm chữ vào kẻ ở đợ bắt làm nô tỳ cho mình” thì bị xử lưu, phạt 50 quan tiền, ngoài ra còn phải “trả tiền xóa chữ theo luật định” (điều 365). Nếu “những nô tỳ được cho về làm lương dân, cấp giấy rồi mà còn bắt chúng ở lại làm tôi tớ với mình thì bị phạt 50 roi, biếm một tư. Người nô tỳ vẫn được trở về theo giấy cấp” (điều 291). Trong trường hợp “nô tỳ có tội, chủ  không thưa quan mà đánh chết thì xử biếm 3 tư. Các nô tỳ ấy không có tội mà đánh chết thì xử đồ. Giết nô tỳ coi từ đường, mồ mả thì xử nặng hơn tội trên một bậc. Nô tỳ sai phạm, dạy bảo đánh bằng roi vô tình làm nó chết, hay ngộ sát thì xử tùy nặng nhẹ…” (điều 490). Đối với người dân tộc thiểu số, bộ luật Hồng Đức cũng có một số điều đề cập đến, đặc biệt là nhằm bảo vệ họ trước sự sách nhiễu của quan lại, như việc cấm quan quân giữ cửa ải khi thấy “khách buôn bán và dân Man Liêu qua cửa ải mà đòi tiền của họ thì bị biếm hai tư.Đền trả lại cho gấp hai số tiền” (điều 71) hoặc “khi chiêu dụ dân Man Liêu mà tự tiện phá nhà cửa lấy súc vật tài sản của dân thì bị tội biếm hay bị đồ, lại phải bồi thường gấp đôi số tiền trả cho dân” (điều 163). Nếu giả mạo chỉ lệnh của quan trên để “đòi trưng thu sản vật của dân Man Liêu thì xử lưu châu ngoài và đền gấp hai tang vật” (điều 531), còn nếu “thu thuế của dân Man Liêu mà không đến trình người cai quản thì xử biếm một tư” (điều 595). Việc xử lý đối với người dân tộc phạm tội cũng có những cân nhắc nhẹ nhàng hơn, áp dụng cả  tục lệ của họ, tại điều 40 có quy định: “Những người miền thượng du (miền núi) cùng phạm tội với nhau thì theo phong tục xứ ấy mà định tội. Những người thượng du phạm tội với người trung châu (vùng đồng bằng) thì theo luật mà định tội”. Trong trường hợp “người Man Liêu cướp, giết lẫn nhau thì xử nhẹ hơn tội cướp, giết người thường một bậc. Nếu hoà giải được với nhau thì cũng cho” (điều 451), trường hợp “quan quản giám các dân Man Liêu tự ý trông coi các vụ kiện trong hạt riêng, sai người đem tráp đi bắt người hoặc ức hiếp dân thì xử phạt 40 trượng biếm 2 tư” (điều 164), còn khi bắt tội phạm là người thiểu số mà “không trình quan quản giám người Man Liêu thì bị xử biếm một tư” (điều 703). Có thể nói bộ luật Hồng Đức hay Quốc triều hình luật là văn bản pháp lý bậc nhất, là đỉnh cao nhất của thành tựu pháp luật Việt Nam so với các triều đại trước đó và cả về sau. Đánh giá về giá trị của bộ luật Hồng Đức, sách Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú viết: “Đời vua Lê có ban hành bộ Hồng Đức hình luật, các đời sau vẫn theo bộ luật ấy.

Tuy có vài sự sửa đổi nhỏ trong lời văn, hay trong cách xếp đặt loại mục tuỳ theo thời kỳ, song các điều khoản căn bản vẫn không thay đổi. Bộ luật ấy đã được dùng làm quy củ để cai trị trong nước và cải thiện lòng người”.

Trong sớ tấu dâng lên vua Gia Long năm Ất Hợi (1815), tổng tài Nguyễn Văn Thành viết: “Nước ta trong các triều đại trị vì từ trước đến nay, triều đại nào cũng đều có bộ luật của triều đại ấy. Xem qua bộ luật Hồng Đức thì biết rằng thời bấy giờ việc phạm tội đã được xếp thành thứ bậc để dễ truy tầm, còn sắc luật thì rất giản lược mà phân minh…”. Những điều đó đã đủ thấy rằng bộ luật Hồng Đức đã được vận dụng vào công quyền Việt Nam và được xem là chuẩn mực của nền cổ luật nước ta qua nhiều triều đại; bên cạnh tính giai cấp nó còn mang tính nhân đạo, tiến bộ và tính dân tộc đặc trưng.